TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** _____ Số: 56/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____ *V X, ngày 03 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa: Anh **Quốc Văn Hi**- Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Co, xã Khánh Th, huyện L, tỉnh Y và Chị **Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn Lùng Càng, xã Phong Q, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Quốc Văn Hi** - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Co, xã Khánh Th, huyện L, tỉnh Yvà Chị **Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn Lùng Càng, xã Phong Q, huyện V, tỉnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Quốc Văn Hi và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Quốc Văn Hi và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận nhất trí:

Giao cháu Quốc Văn Q - Sinh ngày: 22-6-2015 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 25-6-2020

Anh Quốc Văn Hi không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Quốc Văn Hi và chị Nguyễn Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Quốc Văn Hi và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận nhất trí để anh Quốc Văn Hi chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 02461 nộp ngày 08-6-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (do chị Ma Thị T nộp thay). Trả lại cho anh Quốc Văn Hi số tiền 150.000 đồng chênh lệch tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Phong Q, huyện V, tỉnh H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Anh Luyện